

## CHUYÊN ĐỀ 2: TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

### PHẦN 1: BẢN CHẤT XÃ HỘI - VĂN HÓA CỦA NGÔN NGỮ

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Về kiến thức:

- Bản chất xã hội của ngôn ngữ.
- Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa.

##### 2. Về năng lực:

**a. Năng lực chung:** tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo...

##### b. Năng lực đặc thù:

- Hiểu được ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và là một bộ phận cấu thành của văn hóa.
- Nhận biết và đánh giá được các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.
- Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.

**3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, yêu nước (Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt).

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

**1. Thiết bị dạy học:** máy tính kết nối internet.

**2. Học liệu:** phiếu học tập, tranh ảnh, sơ đồ minh họa có liên quan đến nội dung bài học.

#### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

##### 1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

**2. Kiểm tra bài cũ:** GV kiểm tra việc chuẩn bị bài học ở nhà của học sinh.

##### 3. Bài mới:

#### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho hs tham gia trả lời các câu hỏi xoay quanh hiện tượng xã hội và ngôn ngữ (nội dung trao đổi trong sgk, tr 35).

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ hợp tác của hs.

##### d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Gió, mưa, nắng,...là hiện tượng tự nhiên; còn lễ hội, cưới hỏi, thờ cúng,...là hiện tượng xã hội. Hãy nêu một số ví dụ về hiện tượng xã hội và thử giải thích cơ sở để bạn coi đó là những hiện tượng xã hội.</p> <p>+ Bạn đang học ngoại ngữ nào? Qua ngoại ngữ đó, bạn biết gì về đời sống vật chất, phong tục tập quán, đặc điểm tâm lý,...của người bản ngữ?</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>- Hs trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- Gv quan sát, gợi ý.</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p>	<p><b>Câu trả lời của học sinh</b></p>

- Hs trả lời câu hỏi.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu bản chất xã hội của ngôn ngữ**

**a. Mục tiêu:** Hiểu bản chất xã hội của ngôn ngữ.

**b. Nội dung:** Hs trao đổi thảo luận câu hỏi, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>* GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hs đọc nội dung mục 1- sgk, tr 35-36.</li><li>- GV tổ chức cho hs thảo luận nhóm. Chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm, thảo luận 2 câu hỏi sgk, tr 36.</li></ul> <p>* Hs tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS: các nhóm tiến hành thảo luận, ghi chép kết quả.</li><li>- GV: quan sát, hỗ trợ nhóm hs gặp khó khăn (nếu cần thiết).</li></ul> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <p>GV gọi đại diện 1-2 nhóm trả lời, các em khác nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Câu trả lời của hs.</li><li>- Gọi ý:</li></ul> <p>Câu 1: Mối quan hệ tác động qua lại giữa ngôn ngữ và xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất giữa các thành viên trong một cộng đồng.</li><li>+ Ngôn ngữ và xã hội là điều kiện tồn tại của nhau. Nếu không có ngôn ngữ thì không có xã hội, ngược lại, nếu không có xã hội thì ngôn ngữ cũng không thể tồn tại.</li></ul> <p>Câu 2: Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Khả năng sử dụng ngôn ngữ là đặc điểm có tính “bẩm sinh” của con người.</li><li>+ Từ “bẩm sinh” không được dùng theo cách hiểu thông thường.</li><li>+ Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người chỉ được thể hiện trong môi trường xã hội.</li></ul> <p>-&gt; Ngôn ngữ khác về cơ bản với những hiện tượng có tính chất bản năng ở con người.</p>

**Nội dung 2: Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa**

**a. Mục tiêu:** Hs nắm được vai trò của ngôn ngữ với văn hóa; ảnh hưởng của văn hóa với ngôn ngữ và sự đa dạng của ngôn ngữ, văn hóa.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: câu trả lời của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ trên cơ sở hs đã chuẩn bị bài ở nhà.</p> <p>+ Hs thảo luận nhóm (7 phút, thống nhất các vấn đề mỗi cá nhân đã thực hiện nhiệm vụ ở nhà), trả lời các câu hỏi:</p> <p>(1) Em hiểu thế nào về khái niệm “Văn hóa”? Vì sao nói ngôn ngữ là một bộ phận cấu thành quan trọng của văn hóa?</p> <p>(2) Trình bày một số biểu hiện của dấu ấn văn hóa Việt trong tiếng Việt. (Hs dựa mục 2.b để lấy ví dụ).</p> <p>(3) Nêu sự khác biệt về cách dùng từ xưng hô giữa tiếng Việt với ngôn ngữ khác mà em biết. Hãy nhận xét về sự khác biệt đó.</p> <p>(4) Em có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa sự đa dạng của ngôn ngữ và sự đa dạng của văn hóa?</p> <p>Câu hỏi gợi ý:</p> <p>- <i>Nếu chúng ta hướng tới một tương lai mà trong đó tất cả mọi người đều nói một số ít ngôn ngữ lớn, liệu có phải là một điều tốt? Liệu đó có thể là một cách để tạo điều kiện cho giao tiếp và một sân chơi bình đẳng giữa các quốc gia? Có phải mong muốn cứu những ngôn ngữ nhỏ bé hoàn toàn là tình cảm?</i></p> <p>- <i>Em nghĩ gì về tình trạng biến mất của nhiều ngôn ngữ trên thế giới? Khi một ngôn ngữ bị mất đi thì những gì sẽ mất theo? Em có đồng ý với nhận định của Anơ- xtây- xi- a Ri- en: “Một thế giới đa dạng về mặt ngôn ngữ mang lại lợi ích cho tất cả chúng ta” hay không? Vì sao? Theo em, thế giới cần làm gì để cứu vãn tình trạng nhiều ngôn ngữ bị biến mất?</i></p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>- Hs trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ.</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <p>- GV gọi đại diện 1-2 nhóm trả lời cho 1 câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu cần thiết).</p> <p>- Các nhóm cử đại diện trả lời, nhận xét.</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p>	<p><b>a. Vai trò của ngôn ngữ đối với văn hóa</b></p> <p>- Ngôn ngữ là một phần thiết yếu trong đời sống tinh thần phong phú của mỗi cộng đồng người, tức một phần không thể thiếu của văn hóa. Khó có thể hiểu đầu đủ về văn hóa của một dân tộc nếu không tìm hiểu về ngôn ngữ của dân tộc đó.</p> <p>- Ngôn ngữ là phương tiện cơ bản, phổ biến để biểu đạt và lưu giữ các giá trị về văn học, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng,... Thông qua ngôn ngữ, có thể hiểu về các bộ phận cấu thành khác của văn hóa.</p> <p><b>b. Ảnh hưởng của văn hóa đối với ngôn ngữ</b></p> <p>Dấu ấn của văn hóa Việt trong tiếng Việt thể hiện qua các từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm trong đời sống hoặc qua từ ngữ xưng hô. (Hs chỉ ra sự khác biệt về cách dùng từ xưng hô giữa tiếng Việt và ngôn ngữ khác).</p> <p><b>c. Sự đa dạng của ngôn ngữ và sự đa dạng của văn hóa</b></p> <p>Do mối quan hệ khăng khít giữa ngôn ngữ và văn hóa nên sự đa dạng của ngôn ngữ nhân loại là những biểu hiện của sự đa dạng về văn hóa trên thế giới.</p>

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** củng cố, vận dụng kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Hs làm các bài tập trong sgk phần Luyện tập.

c. **Sản phẩm:** bài làm của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

\* **Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ (Sử dụng kỹ thuật nhóm chuyên gia: chia lớp thành 6 nhóm. Hs làm việc nhóm ở nhà, hoàn thành nhiệm vụ của nhóm sau khi mỗi cá nhân tự làm các bài tập).</p> <p>+ Nhóm 1,2 làm bài tập 1. + Nhóm 3,4 làm bài tập 2. + Nhóm 5,6 làm bài tập 3.</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p>	<p><b>1. Bài tập 1</b></p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Những ngôn ngữ được nhiều người sử dụng với tư cách là tiếng mẹ đẻ nhất: tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Hindi và Urdu, tiếng Ả Rập...</li><li>- Những ngôn ngữ được sử dụng ở nhiều quốc gia nhất: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha...</li><li>- Những ngôn ngữ được dùng làm ngôn ngữ chính thức ở nhiều quốc gia nhất: tiếng Anh, tiếng Pháp...</li></ul> <p><b>2. Bài tập 2:</b></p> <p>Hs có thể dùng biểu đồ hình cột với một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tên: Số lượng ngôn ngữ ở các khu vực trên thế giới.</li><li>- Cột dọc: số lượng ngôn ngữ (đơn vị từ 0 đến nghìn)</li><li>- Cột ngang: Khu vực (Châu Á, Châu Phi, Thái Bình Dương, Châu Mỹ, Châu Âu).</li></ul> <p>(Học sinh cũng có thể sử dụng biểu đồ hình tròn %)</p> <p><b>3. Bài tập 3: Một số hiện tượng trong ngôn ngữ thể hiện đặc điểm văn hóa của dân tộc. Ví dụ trong tiếng Việt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Từ “Tổ quốc” xuất phát từ đời sống nông nghiệp, kết hợp từ “Đất” và “nước” biểu đạt ý nghĩa cao cả, thiêng liêng. “Đòng bào” gắn với truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên”.</li><li>- Thành ngữ: “Cơm no áo ấm”, “Cơm lành canh ngọt”, “Cơm áo gạo tiền”, “Cơm bưng nước rót”, ... xuất phát từ thực tế đời sống</li></ul>

	<p>           vật chất, tinh thần của người Việt...         </p>
--	--

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (thực hành viết) (có thể tiến hành trên lớp hoặc giao bài tập hs hoàn thiện ở nhà)**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập .

**b. Nội dung:** sử dụng kiến thức đã học viết đoạn văn theo yêu cầu bài tập 4 trong sgk, tr 41.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- Gv chuyển giao nhiệm vụ, hs làm việc cá nhân: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ nêu ý kiến của em về một vấn đề liên quan đến nội dung Phần 1, Chuyên đề 2: (Hs lựa chọn 1 trong các vấn đề sau:</p> <p>(1)- Việc dùng tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu. (2)- Khả năng phổ biến của E-xpê-ran- tô (Esperanto- quốc tế ngữ).</p> <p>- Hs nhận nhiệm vụ.</p> <p>- Phần thuyết trình: gv nhóm các học sinh cùng 1 vấn đề vào 1 nhóm, có thể chia thành nhiều nhóm nhỏ, các em trao đổi, thống nhất trên cơ sở bài làm cá nhân. Gv gọi đại diện 1 vài nhóm nhỏ trình bày sản phẩm của mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. (lưu ý sản phẩm thuyết trình không hoàn toàn là nội dung đoạn văn đã chuẩn bị, có thể thuyết minh, giải thích, mở rộng vấn đề.</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b> Hs thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <p>- Hs báo cáo việc hoàn thành nhiệm vụ. - Hs đại diện các nhóm trình bày sản phẩm.</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b> Gv nhận xét, đánh giá.</p>	<p><b>Gợi ý:</b></p> <p><b>* Với vấn đề (1)</b></p> <p>Nội dung bàn luận có thể xoay quanh việc trả lời một số câu hỏi:</p> <p>- Tiếng Anh hiện đang được dùng rộng rãi như thế nào trên thế giới?</p> <p>- Việc dùng tiếng Anh như vậy mang lại lợi ích và tác hại gì không?</p> <p>- Theo bạn, có nên dùng tiếng Anh thay thế cho tiếng mẹ đẻ để dạy học trong nhà trường không? Vì sao?</p> <p>- Có nhiều người cho rằng một số nước phát triển nhanh nhờ dùng tiếng Anh thay thế cho tiếng mẹ đẻ, bạn có bình luận gì về ý kiến đó?...</p> <p><b>* Với vấn đề (2)</b></p> <p>- Quốc tế ngữ là gì?</p> <p>- Bạn đánh giá như thế nào về triển vọng phát triển, phổ biến của quốc tế ngữ? Dựa vào cơ sở nào bạn có đánh giá như vậy?...</p>

**4. Củng cố:** nắm vững toàn bộ kiến thức cơ bản Phần 1.

**5. HDVN:** Tìm hiểu nội dung Phần 2 (đọc và trả lời các câu hỏi trong mỗi nội dung).

Ngày soạn:...../...../.....

**Chuyên đề 2**

**TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI**

Thời gian thực hiện: ..... tiết